TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **133/**2023/DS-PT
Ngày: 29/5/2023
V/v: "Tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa.**

Các thẩm phán: Ông **Lê Tự;**

Ông **Trương Công Thi.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 198/2022/TLPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2109/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng S; cư trú tại: số 34 đường N, thành phố Q, Bình Định. Vắng mặt.

- Bị đơn:

1.Ông Nguyễn Minh S1;

2. Ông Nguyễn Ngọc A;

3. Bà Nguyễn Thị T;

4. Anh Nguyễn Chí H;

5. Bà Nguyễn Thị Hồng H1;

6. Ông Nguyễn Chí T;

7. Ông Nguyễn Chí H2;

8. Ông Nguyễn Chí H3;

Cùng cư trú tại: số 366 đường N1, phường N2, thành phố Q, Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh S1; cư trú tại: số 366 đường N1, phường N2, thành phố Q, Bình Định. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Th;

2. Bà Nguyễn Thị D;

Cùng địa chỉ: số 34 đường N, TP Q, Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị D: Bà Nguyễn Thị Hồng S. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quốc T1; cư trú tại: số 34 đường N, thành phố Q, Bình Định. Vắng mặt

4. Anh Nguyễn Đình T2. Vắng mặt

5. Bà Nguyễn Thị H4. Vắng mặt

6. Chị Nguyễn Minh Th1. Vắng mặt

Cùng cư trú tại: số 360 đường B1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị Hồng L1 (L2); cư trú tại: số 366/1 đường N1, Tổ 6, khu vực 12, phường N2, thành phô Q, Bình Định. Vắng mặt

8. Bà Nguyễn Thị T3; cư trú tại: Tổ 45B, khu vực 5, phường Q1, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt

9. Bà Nguyễn Thị C1;

10. Bà Nguyễn Thị Hồng L3;

11. Chị Nguyễn Thị Hồng H5;

Cùng cư trú tại: Số 366 đường N1, thành phố Q, Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C1, bà Nguyễn Thị L3 và chị Nguyễn Thị Hồng H5: Ông Nguyễn Minh S1. Có mặt

12. Bà Nguyễn Thị N3; cư trú tại: số 183 đường H6, thành phố H7, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt

13. Bà Nguyễn Thị T4; cư trú tại: 20 Castlegate rd # 1, Dorchester, Ma 02122 USA. Vắng mặt

14. Ông Nguyễn Văn Đ2; cư trú tại: số 366/3 đường N1, tổ 6, khu vực 2, phường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

15. Anh Trần Đình Ch1; cư trú tại: 366 đường N1, tổ 6, khu vực 2, phường N2, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày:

Cụ Nguyễn L4 (chết năm 1999) có bốn đời vợ:

Người thứ nhất là Nguyễn Thị V1 (chết năm 1950) có 02 người con chung: Nguyễn Thị T4 và Nguyễn Thị N3.

Người thứ hai không biết rõ họ tên (chết trước năm 1950) có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph (chết trước năm 1950).

Người thứ ba là cụ Nguyễn Thị S2, có 09 con chung là: bà Nguyễn Thị Hồng Th, bà Nguyễn Thị Hồng L1, bà Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Ngọc A, bà Nguyễn Thị Ngọc B3 (chết năm 2014), bà Nguyễn Thị Hồng S, ông Nguyễn Quốc T1 và ông Nguyễn Đình Th3 (ông Th3 chết năm 2004 nhưng có vợ là bà Nguyễn Thị H4 và 02 con chung là Nguyễn Đình T2, Nguyễn Minh Th1).

Người thứ tư là cụ Nguyễn Thị C1, có 09 con chung: ông Nguyễn Minh S1, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Hồng L3, bà Nguyễn Thị Hồng H1, bà Nguyễn Thị Hồng H5, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí H2, ông Nguyễn Chí H3 và ông Nguyễn Chí H.

Theo bà Nguyễn Thị Hồng S, thì khi còn sống, cụ Nguyễn L4 và Nguyễn Thị S2 tạo lập khối tài sản chung gồm: Nhà, đất tại số 08 đường Y1 và nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q.

Cụ Nguyễn Thị S2 chết không để lại di chúc. Năm 1992, cụ Nguyễn L4 có di chúc phân chia nhà, đất tại số 08 đường Y1 và nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q cho các con nhưng cụ S2 không đồng ý.

Nay bà yêu cầu chia di sản phần cụ Nguyễn Thị S2 được hưởng đối với ½ giá trị nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q theo quy định pháp luật cho các thừa kế của cụ S2.

***Bị đơn ông Nguyễn Minh S1 trình bày*:**

Nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q là tài sản chung của ông và cụ Nguyễn L4 do bác Nguyễn D chuyển nhượng lại vào năm 1988, có giấy tờ mua

bán. Năm 1992, cha ông lập di chúc để lại thửa đất và nhà từ đường cho các con, cụ thể chia đều nhà, đất tại số 04 đường Y1 và nhà đất tại số 366 đường N1, thành phố Q cho các con của mẹ Nguyễn Thị S2, mẹ Nguyễn Thị C1. Nay bà Nguyễn Thị Hồng S yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của cụ Nguyễn Thị S2, ông không đồng ý vì cha ông đã phân chia xong. Lúc cụ S2 còn sống cũng không có ý kiến gì, các bên đã ở ổn định từ năm 1993 đến nay. Ông yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp các giấy tờ liên quan đến nhà đất tại số 366 đường N1, thành phố Q.

***Ông Nguyễn Văn A là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Chí H trình bày*:**

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng S với lý do cụ S2 không tạo lập khối tài sản chung với cụ L4 mà tài sản này là của cụ L4 và ông S1 bỏ tiền mua lại có nguồn gốc từ bà nội giao cho ông Nguyễn Diêu. Khi còn sống, cụ L4 đã phân chia 01 phần nhà, đất cho các con xong sau đó cụ L4 mới lập di chúc nhưng nội dung như cụ đã phân chia. Sau khi được phân chia, các con cụ L4 đã xây dựng nhà ở ổn định từ trước năm 1993.

***Bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày*:** Ông thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng S về quan hệ gia đình, hàng thừa kế thứ nhất cũng như nguồn gốc nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q. Phần nhà đất hiện nay ông đang quản lý, sử dụng là nhà chính do cha mẹ tạo lập. Trước khi chết, cha ông đã lập di chúc để lại cho ông 2/3 ngôi nhà, anh Nguyễn Chí H 1/3 ngôi nhà. Ông ở phần gian nhà chính (gian nhà thờ cúng) có chiều rộng 4,5 m, chiều dài từ trước ra sau (sát vách nhà ông Đinh Trọng H8). Toàn bộ khu đất do cha ông để lại hiện nay chia thành 11 thửa như bà S trình bày. Ông không đồng ý việc bà S khởi kiện ông vì bà S và các đồng thừa kế của mẹ Nguyễn Thị S2 và cha Nguyễn L4 đều được hưởng. Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà S yêu cầu các con của cụ Nguyễn Thị C1 chia cho các đồng thừa kế ½ tài sản của mẹ Nguyễn Thị S2.

***Bị đơn cụ Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí H2, ông Nguyễn Chí H3, Nguyễn Thị Hồng L3 và Nguyễn Thị Hồng H5 do ông Nguyễn Minh S1 là người đại diện trình bày*:** Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông S1.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

- *Bà Nguyễn Thị Hồng S đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng Th và bà Nguyễn Thị D trình bày:* Thống nhất như lời khai và yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

"*Căn cứ Điều 612, 649, 651 Bộ luật Dân sự; Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 củ Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:*

1. Không chấp yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng S về chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị S2 đối với ½ nhà, đất tại số 366 đường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 102.115.000 đồng được trừ 6.112.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003895 ngày 06/10/2010 cuả Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định nên bà S còn phải nộp 96.003.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 16.000.000 đồng (đã nộp xong)".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2022, bà Nguyễn Thị Hồng S có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 23/9/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKS-DS, có nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm nói trên theo hướng bà S phải chịu án phí không có giá ngạch.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo bà Nguyễn Thị Hồng S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng vắng mặt, đây là phiên tòa mở lần 2 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng S và chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa vào ngày 27/02/2023, nhưng bà S có "*Đơn xin tạm vắng*" đề ngày 23/02/2023, với lý do: chân đau khớp nặng,

việc đi lại rất khó khăn. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, theo "*Phiếu báo phát*" ngày 22/5/2023 của Bưu điện Việt Nam thì bà Nguyễn Thị Hồng S đã nhận được giấy triệu tập phiên tòa phúc thẩm ngày 29/5/2023, nhưng bà Nguyễn Thị Hồng S lại tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 289, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng S.

[2] Xét nhà đất tọa lạc tại số 366 đường N1, thấy: Các bên đương sự đều thống nhất đây là tài sản của cụ L4; bà S cho rằng đây là tài sản chung với cụ S2; ông Nguyễn Minh S1 cho rằng đây là tài sản chung của ông với cụ L4, tài sản này nhận chuyển nhượng từ cụ Nguyễn D vào năm 1988 (có xác nhận của ông Nguyễn Cư - con của cụ D tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2016) nhưng ông S1 không có tranh chấp.

[3] Từ năm 1990, cụ Nguyễn L4 đã chia nhà đất 366 cho các con như sau: Nguyễn Ngọc A được 2/3 ngôi nhà lớn, diện tích 105m^2; Nguyễn Chí H 1/3 ngôi nhà lớn, diện tích 28,1m^2; Nguyễn Chí H3 được lô đất có diện tích 54m^2; Nguyễn Minh S1 được lô đất có diện tích 60m^2; Nguyễn Chí T được lô đất có diện tích 54,7m^2; Nguyễn Chí H2 được lô đất có diện tích 54m^2 (đã chuyển nhượng cho người khác); Nguyễn Thị Hồng H1 được lô đất có diện tích 55,3m^2; Nguyễn Thị Hồng L1 được lô đất có diện tích 65,3m^2, do bà Liên không ở nên cụ L4 đã chuyển nhượng và chia tiền cho các con; Nguyễn Thị T được lô đất có diện tích 26,5m^2; Nguyễn Thị D được lô đất có diện tích 83,8m^2; Nguyễn Thị Hồng Th được lô đất có diện tích 70m^2; bà Nguyễn Thị Hồng S được lô đất 70m^2 (đến năm 1999, bà Hồng Th, Hồng S đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Minh S1).

[4] Bà Nguyễn Thị Hồng S cho rằng khi cụ L4 phân chia nhà đất 366 N1, không có sự đồng ý của cụ Nguyễn Thị S2 nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xác định ½ nhà đất 366 N1 là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị S2. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nhà đất 366 N1 không phải là di sản thừa kế của cụ S2 và đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng S là có căn cứ pháp luật..

[5] Tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định:

"7. Đối với vụ án liên quan đến chia tài sản chung, di sản thừa kế thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Khi các bên đương sự không xác định được phần tài sản của mình hoặc mỗi người xác định phần tài sản của mình trong khối tài sản chung, phần di sản của mình trong khối di sản thừa kế là khác nhau và có một trong các bên yêu cầu

Tòa án giải quyết chia tài sản chung, di sản thừa kế đó thì mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. Đối với phần Tòa án bác đơn yêu cầu thì người yêu cầu chia tài sản chung, di sản thừa kế không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trường hợp Tòa án xác định tài sản chung, di sản thừa kế mà đương sự yêu cầu chia không phải là tài sản của họ thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch;"

[6] Đối chiếu quy định trên, bà S thuộc trường hợp Tòa án xác định nhà đất tọa lạc tại số 366 đường N1, thành phố Q, tỉnh Bình Định không phải là di sản thừa kế nên chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nhà đất tọa lạc tại số 366 N1 không phải là di sản thừa kế và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng S, nhưng lại buộc bà S phải chịu 102.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà S. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xử lý tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm: Do đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng S nên số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà S đã nộp được sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 289, Điều 295, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng S.

2. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 21/QĐ-VKS-DS ngày 23/9/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát cấp cao tại Đà Nẵng, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hồng S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 6.112.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003895 ngày 06/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, hoàn trả lại cho bà S số tiền 5.812.000 đồng.

3. Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Hồng S đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000192 ngày 27/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

4. Những phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa